

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2017

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ BA**

(Từ ngày 05/12/2016 đến ngày 08/12/2016)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Xét Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 23/11/2016 của UBND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2017; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2017 và quyết định giao biên chế cho các cơ quan của Thành phố, quận, huyện, thị xã như sau:

1. Biên chế hành chính: 10.897 biên chế, trong đó:

- Biên chế công chức: 9.116 biên chế (gồm dự phòng: 03 biên chế).
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.369 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 412 chỉ tiêu.

2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 156.740 biên chế, trong đó:

- Biên chế viên chức: 135.123 biên chế (gồm dự phòng: 270 biên chế).
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 12.705 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 8.912 chỉ tiêu.

(Kèm theo biểu chi tiết số 1 và số 2)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp theo Nghị quyết của HĐND Thành phố cùng với giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội để các đơn vị, địa phương chủ động thực hiện ngay từ đầu năm. Trong năm 2017, nếu có phát sinh (tăng hoặc giảm) so với Nghị quyết HĐND về biên chế hành chính, sự nghiệp (bao gồm cả số lượng dự phòng công chức hành chính và viên chức sự nghiệp), UBND Thành phố thống nhất với Thường trực HĐND Thành phố trước khi thực hiện và báo cáo HĐND Thành phố vào kỳ họp trong năm 2017.

2. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện tinh giản biên chế của ngành mình, cấp mình. Đồng thời, ban hành cơ chế đặc thù của Thành phố khuyến khích các đối tượng tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế.

3. Xác định cơ chế, chính sách cụ thể để thực hiện chuyển các đơn vị sự nghiệp (đặc biệt là giáo dục, y tế) sang cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và sang mô hình công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Chỉ đạo các Sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã giải quyết các tồn tại về hợp đồng lao động theo định mức thực hiện nhiệm vụ Thanh tra xây dựng và Thanh tra giao thông xong trong năm 2017.

5. Hoàn thành việc kiện toàn, sắp xếp các đơn vị: Ban Chỉ đạo Giải phóng mặt bằng Thành phố, các quỹ thuộc Thành phố và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc quận, huyện, thị xã.

6. Hoàn thiện đề án vị trí việc làm tại các cơ quan hành chính theo Quyết định số 2076/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ và theo quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức mới; hoàn thành đề án vị trí việc làm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khi có hướng dẫn của Bộ Chuyên ngành, làm cơ sở xác định biên chế, số lượng người làm việc và bố trí, sử dụng đúng cơ cấu, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cán bộ, công chức, viên chức.

Nghiên cứu tiêu chí định lượng trong việc đánh giá cán bộ của Thành phố, chi tiết hóa việc đánh giá theo ngành, lĩnh vực trên cơ sở vị trí việc làm, quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức gắn với công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật và bổ nhiệm cán bộ. Tổ chức thực hiện giám sát, kiểm tra tốt việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

7. Đổi mới công tác tuyển dụng công chức, viên chức, trong đó chú trọng ứng dụng công nghệ tin học vào tuyển dụng công chức, viên chức, đảm bảo tối đa nguyên tắc cạnh tranh khách quan, công bằng, minh bạch, thực tài, chống tiêu cực trong thi cử, nâng cao chất lượng đầu vào của công chức, viên chức.

Nghiên cứu xây dựng chính sách, cơ chế tạo nguồn, trọng dụng tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao (gồm cả công chức, viên chức đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị của Thành phố) để thu hút và có chế độ đãi ngộ tương xứng.

8. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo đúng chương trình, kế hoạch đã đề ra, trong đó coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng xử lý công việc, tác phong công tác, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức.

9. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng biên chế, tiền lương cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị để sắp xếp bố trí theo vị trí việc làm và nhiệm vụ được giao; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những thiếu sót, sai phạm.

Tiếp tục báo cáo Chính phủ, Bộ Nội vụ giải quyết dứt điểm tồn tại cũ về viên chức thực hiện nhiệm vụ của công chức (thành phố Hà Nội đã nhiều năm đề nghị) tại các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chấn chỉnh các đơn vị hành chính, sự nghiệp công lập của Thành phố sử dụng lao động hợp đồng không đúng quy định, vượt số biên chế được giao.

10. Tập trung giải pháp công nghệ thông tin để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý nhà nước, có bước đi phù hợp tiến tới tích hợp dữ liệu dùng chung, đồng bộ trên toàn Thành phố; trong đó xác định năm 2017 là năm đột phá căn bản.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2016. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác ĐB của QH; VPQH; VPCP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP; UBMTTQ TP;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Các VP: Thành ủy, HĐND TP, UBND TP;
- Công báo TP Hà Nội;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bích Ngọc



KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2017			
		Tổng số	Trong đó		
			Công chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức
	TỔNG CỘNG TOÀN THÀNH PHỐ	10,897	9,116	1,369	412
A	KHỐI SỞ, NGÀNH	5,150	4,178	785	187
1	Văn phòng UBND Thành phố	193	139	54	
2	Văn phòng HĐND Thành phố	67	53	14	
3	Sở Thông tin và Truyền thông	88	75	13	
4	Sở Nội vụ	174	133	41	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	809	628	181	
6	Sở Công Thương	815	712	103	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	182	165	17	
8	Sở Tài chính	254	234	20	
9	Sở Xây dựng	275	235	23	17
10	Sở Giao thông Vận tải	740	447	123	170
11	Sở Khoa học và Công nghệ	127	108	19	
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	171	154	17	
13	Sở Giáo dục và đào tạo	163	143	20	
14	Sở Y tế	194	161	33	
15	Sở Văn hóa và Thể thao	132	116	16	
16	Sở Du lịch	67	58	9	
17	Sở Tư pháp	95	85	10	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2017			
		Tổng số	Trong đó		
			Công chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức
18	Sở Ngoại vụ	43	35	8	
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	182	166	16	
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	110	95	15	
21	Thanh tra Thành phố	130	122	8	
22	Ban Dân tộc	29	21	8	
23	Ban chỉ đạo GPMB Thành phố	43	35	8	
24	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất	67	58	9	
B	KHỐI QUẬN, HUYỆN:	5,744	4,935	584	225
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	235	199	28	8
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	257	203	32	22
3	UBND Quận Ba Đình	209	184	18	7
4	UBND Quận Đống Đa	264	224	28	12
5	UBND Quận Tây Hồ	183	161	17	5
6	UBND Quận Thanh Xuân	184	154	18	12
7	UBND Quận Cầu Giấy	179	157	17	5
8	UBND Quận Hoàng Mai	208	177	17	14
9	UBND Quận Long Biên	197	167	15	15
10	UBND Quận Nam Từ Liêm	182	154	20	8
11	UBND Quận Bắc Từ Liêm	183	153	20	10
12	UBND Huyện Thanh Trì	224	192	19	13
13	UBND Huyện Gia Lâm	230	199	24	7
14	UBND Huyện Đông Anh	237	211	12	14
15	UBND Huyện Sóc Sơn	259	218	20	21

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2017			
		Tổng số	Trong đó		
			Công chức	LDHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức
16	UBND Huyện Ba Vì	187	162	21	4
17	UBND Thị xã Sơn Tây	193	166	23	4
18	UBND Huyện Thạch Thất	160	147	12	1
19	UBND Huyện Phúc Thọ	150	133	14	3
20	UBND Huyện Đan Phượng	151	125	23	3
21	UBND Huyện Hoài Đức	158	144	12	2
22	UBND Huyện Quốc Oai	169	140	24	5
23	UBND Huyện Chương Mỹ	177	150	24	3
24	UBND Quận Hà Đông	215	189	20	6
25	UBND Huyện Thanh Oai	143	122	12	9
26	UBND Huyện Thường Tín	155	141	13	1
27	UBND Huyện Ứng Hòa	161	136	24	1
28	UBND Huyện Phú Xuyên	156	139	15	2
29	UBND Huyện Mỹ Đức	169	141	24	4
30	UBND Huyện Mê Linh	169	147	18	4
C	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	3	3		



KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2017			
		Tổng số	Trong đó		
			Viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức
I	TỔNG CỘNG TOÀN THÀNH PHỐ	156,740	135,123	12,705	8,912
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ, NGÀNH	44,467	39,583	4,677	207
1	Văn phòng UBND Thành phố	113	109	4	
2	Sở Thông tin và Truyền thông	160	144	16	
3	Sở Nội vụ	24	24		
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2,320	1,981	132	207
5	Sở Công Thương	90	78	12	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	42	40	2	
7	Sở Tài chính	6	3	3	
8	Sở Xây dựng	429	386	43	
9	Sở Giao thông Vận tải	545	480	65	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	111	91	20	
11	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	3,198	1,732	1,466	
12	Sở Giáo dục và đào tạo	11,043	10,459	584	
13	Sở Y tế	23,581	21,642	1,939	
14	Sở Văn hóa và Thể thao	1,658	1,365	293	
15	Sở Tư pháp	300	280	20	
16	Sở Ngoại vụ	8	8		
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	691	630	61	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2017			
		Tổng số	Trong đó		
			Viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức
18	Sở Quy hoạch Kiến trúc	111	95	16	
19	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất	37	36	1	
III	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC THÀNH PHỐ	4,281	3,949	332	
20	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long	224	128	96	
21	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Thương mại và Du lịch Thành phố	78	70	8	
22	Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội	585	570	15	
23	Báo Kinh tế Đô thị	30	24	6	
24	Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội	101	93	8	
25	Quỹ phát triển đất thành phố Hà Nội	39	33	6	
26	Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng khu đô thị mới	64	59	5	
27	Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội	129	124	5	
28	Ban Quản lý Dự án Hạ tầng Tả Ngạn	110	100	10	
29	Ban Quản lý các Dự án trọng điểm phát triển đô thị	108	98	10	
30	Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội	145	142	3	
31	Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội	83	77	6	
32	Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong	146	129	17	
33	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	149	143	6	
34	Trường Đại học Thủ đô	343	335	8	
35	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	247	233	14	
36	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	203	191	12	
37	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	187	177	10	
38	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	189	184	5	
39	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	161	146	15	
40	Trường Cao đẳng Điện tử Điện lạnh Hà Nội	166	158	8	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2017			
		Tổng số	Trong đó		
			Viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức
41	Trường Cao đẳng Thương Mại và Du lịch Hà Nội	160	152	8	
42	Trường Cao đẳng Công nghệ Môi trường Hà Nội	83	73	10	
43	Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội	259	250	9	
44	Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Hà Nội	202	190	12	
45	Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - Hàn Quốc	90	70	20	
IV	KHÓI HỘI ĐƯỢC GIAO BIÊN CHẾ	472	373	34	65
46	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	23	9	2	12
47	Liên Hiệp các Tổ chức hữu nghị Thành phố	16	14	2	
48	Liên Hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	9	3	4	2
49	Hội Chữ Thập Đỏ	21	19	2	
50	Hội Người mù	26		4	22
51	Hội Luật gia	5	5		
52	Hội Nhà Báo	7	5	1	1
53	Hội Đông Y	24	20	2	2
54	Hội Khuyến học	1			1
55	Hội cựu Thanh niên xung phong Thành phố	8		2	6
56	Liên minh hợp tác xã Thành phố	48	27	2	19
57	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành Đoàn	284	271	13	
V	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	107,250	90,948	7,662	8,640
58	UBND Quận Hoàn Kiếm	2,294	1,960	221	113
59	UBND Quận Hai Bà Trưng	3,226	2,725	243	258
60	UBND Quận Ba Đình	2,805	2,410	218	177
61	UBND Quận Đống Đa	3,549	3,015	281	253
62	UBND Quận Tây Hồ	1,742	1,494	121	127
63	UBND Quận Thanh Xuân	2,334	2,007	174	153

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2017			
		Tổng số	Trong đó		
			Viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức
64	UBND Quận Cầu Giấy	2,723	2,415	157	151
65	UBND Quận Hoàng Mai	3,401	2,891	236	274
66	UBND Quận Long Biên	3,922	3,290	275	357
67	UBND Quận Nam Từ Liêm	2,158	1,815	146	197
68	UBND Quận Bắc Từ Liêm	2,755	2,334	158	263
69	UBND Huyện Thanh Trì	3,938	3,278	300	360
70	UBND Huyện Gia Lâm	3,748	3,155	294	299
71	UBND Huyện Đông Anh	5,502	4,674	300	528
72	UBND Huyện Sóc Sơn	5,445	4,589	406	450
73	UBND Huyện Ba Vì	5,181	4,298	463	420
74	UBND Thị xã Sơn Tây	2,299	1,933	192	174
75	UBND Huyện Thạch Thất	3,795	3,251	260	284
76	UBND Huyện Phúc Thọ	3,331	2,829	226	276
77	UBND Huyện Đan Phượng	2,829	2,396	185	248
78	UBND Huyện Hoài Đức	4,280	3,634	240	406
79	UBND Huyện Quốc Oai	3,876	3,250	301	325
80	UBND Huyện Chương Mỹ	4,896	4,181	332	383
81	UBND Quận Hà Đông	4,374	3,701	282	391
82	UBND Huyện Thanh Oai	3,589	3,074	225	290
83	UBND Huyện Thường Tín	4,041	3,484	278	279
84	UBND Huyện Ứng Hòa	3,597	3,059	286	252
85	UBND Huyện Phú Xuyên	4,056	3,437	276	343
86	UBND Huyện Mỹ Đức	3,768	3,123	346	299
87	UBND Huyện Mê Linh	3,796	3,246	240	310
VI	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	270	270		